

BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19/2008/QĐ-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**ban hành Chương trình khung trình độ trung cấp nghề,
Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề
“Kỹ thuật máy nông nghiệp”**

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

*Căn cứ Luật dạy nghề ngày 29 tháng
11 năm 2006;*

*Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ- CP
ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính
phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền
hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động -
Thương binh và Xã hội;*

*Căn cứ Quyết định số 01/2007/QĐ-
BLĐTBXH ngày 04/01/2007 của Bộ
trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã
hội ban hành Quy định về chương trình
khung trình độ trung cấp nghề, chương
trình khung trình độ cao đẳng nghề;*

*Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định về
việc ban hành chương trình khung trình
độ trung cấp nghề, chương trình khung
trình độ cao đẳng nghề “Kỹ thuật máy
nông nghiệp”;*

*Theo đề nghị của Tổng cục Trưởng
Tổng cục Dạy nghề,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết
định này Bộ chương trình khung trình
độ trung cấp nghề, chương trình khung
trình độ cao đẳng nghề cho nghề: “Kỹ
thuật máy nông nghiệp”.

Trên cơ sở Bộ chương trình khung nói
trên, Hiệu trưởng các trường cao đẳng
nghề, trường trung cấp nghề, trường
trung cấp chuyên nghiệp, trường cao
đẳng, trường đại học có đăng ký hoạt
động dạy nghề trình độ trung cấp, trình
độ cao đẳng xác định, tổ chức thẩm định
và duyệt chương trình dạy nghề áp dụng
cho trường mình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi
hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công
báo.

Điều 3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức chính trị - xã hội và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng cục Dạy nghề, các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường trung cấp chuyên nghiệp, trường cao đẳng, trường đại học có đăng ký hoạt động dạy nghề trình độ trung cấp và

trình độ cao đẳng cho nghề “Kỹ thuật máy nông nghiệp” và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đàm Hữu Đắc

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

(ban hành kèm theo Quyết định số 19/2008/QĐ-BLĐTBXH

ngày 31 tháng 3 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên nghề: Kỹ thuật máy nông nghiệp

Mã nghề:

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: - Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương;

- Tốt nghiệp Trung học cơ sở và tương đương, có bổ sung văn hóa Trung học phổ thông theo Quyết định Bộ Giáo dục - Đào tạo ban hành;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 31

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề.

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Nắm vững những nội dung cơ bản của các môn học cơ sở như: Vẽ kỹ thuật, Cơ kỹ thuật, Vật liệu cơ khí, Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật, Kỹ thuật điện, An toàn lao động, tổ chức sản xuất và quản lý doanh nghiệp để làm cơ sở tiếp thu các môn học chuyên môn.

+ Nắm vững cấu tạo, nguyên lý làm việc, cách bảo dưỡng, kiểm tra - điều chỉnh các loại máy động lực dùng trong nông nghiệp, các loại máy nông nghiệp đang được sử dụng rộng rãi trên thị trường.

- Kỹ năng:

+ Vận hành thành thạo các loại liên hợp máy nông nghiệp vào các khâu canh tác trên đồng ruộng: Làm đất, gieo trồng, chăm sóc, tưới tiêu, thu hoạch, bảo quản chế biến, chăn nuôi.

+ Sử dụng thành thạo các dụng cụ tháo lắp và các thiết bị hỗ trợ thông thường trong công tác bảo dưỡng, điều chỉnh.

+ Kiểm tra, đánh giá được tình trạng kỹ thuật của các loại máy động lực dùng trong nông nghiệp, các loại máy nông nghiệp.

+ Làm thành thạo các công việc bảo dưỡng, điều chỉnh thông thường để máy động lực dùng trong nông nghiệp, các

loại máy nông nghiệp đạt được tình trạng kỹ thuật tốt nhất.

+ Thực hiện được việc tháo lắp, thay thế các chi tiết, cụm máy bị hư hỏng đúng chủng loại, đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật.

+ Điều chỉnh được các sai lệch, khắc phục được những hư hỏng thông thường của các loại máy động lực dùng trong nông nghiệp: Máy kéo tay, máy kéo 4 bánh, các loại xe vận chuyển,..., các loại máy nông nghiệp thường được sử dụng như: cày, phay, bừa, máy bơm nước, máy gặt, máy sấy, máy ấp trứng gia cầm,...

1.2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức

+ Có kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về mục tiêu và đường lối CNH - HĐH đất nước.

+ Có nhận thức về nghĩa vụ và quyền hạn công dân trong học tập, lao động sản xuất, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

+ Xây dựng cho người học ý thức nghề nghiệp đúng đắn, tác phong lao động cần cù, khoa học, phù hợp với thực tiễn sản xuất.

+ Có tinh thần hăng say lao động, lao động có kỹ thuật, có kỷ luật, năng động

sáng tạo, đạt năng suất chất lượng và hiệu quả cao.

+ Xây dựng cho người học có ý thức với công việc được giao, có trách nhiệm, có tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí tham ô, biết quý trọng và bảo vệ thiết bị, máy móc và tài sản chung.

+ Xây dựng cho người học nếp sống lành mạnh, trung thực, giản dị. Sống có văn hóa.

+ Có lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội.

- Thể chất, quốc phòng.

+ Hiểu biết một số phương pháp tập luyện và đạt kỹ năng cơ bản ở một số môn thể dục thể thao như: Điền kinh, bóng đá, bóng chuyền...

+ Đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể cấp I khi ra trường.

+ Có hiểu biết cơ bản về công tác quốc phòng toàn dân và dân quân tự vệ.

+ Có kiến thức và những thao tác quân sự cơ bản cần thiết nhất của người chiến sĩ - Vận dụng trong học tập, sinh hoạt, bảo vệ trật tự trị an. Có khả năng tham gia phục vụ chiến đấu và chiến đấu, thực hiện nghĩa vụ quốc phòng toàn dân.

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ tổ quốc.

2. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

2.1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Thời gian học tập: 90 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 2490 h
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn và thi: 210 h; trong đó thi tốt nghiệp: 90 h.

2.2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 h

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề:

- + Thời gian học bắt buộc: 2216 h; Thời gian học tự chọn: 380 h
- + Thời gian học lý thuyết: 593 h; Thời gian học thực hành: 1623 h.

3. Danh mục môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc, thời gian và phân bổ thời gian; đề cương chi tiết chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc

3.1. Danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc

Mã MH MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học, mô đun (giờ)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Trong đó	
					Giờ LT	Giờ TH
I	Các môn học chung					
MH 01	Chính trị	2	3	30		
MH 02	Pháp luật	2	3	15		
MH 03	Giáo dục thể chất	1	2	30		
MH 04	Giáo dục quốc phòng	2	2, 3	60		
MH 05	Tin học	1	1	45		
MH 06	Ngoại ngữ	1	1	30		
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc					

LawSoft - Tel: +84-6-3645 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mã MH MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học, mô đun (giờ)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Trong đó	
					Giờ LT	Giờ TH
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở					
MH 07	Cơ kỹ thuật	1	1	45	40	5
MH 08	Vẽ kỹ thuật	1	1, 2	60	50	10
MH 09	Kỹ thuật điện	1, 2	2, 3	45	35	10
MH 10	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	1	1	30	20	10
MH 11	Vật liệu cơ khí	1	2	30	20	10
MH 12	An toàn lao động	1	1	30	20	10
MH 13	Tổ chức sản xuất và quản lý doanh nghiệp	2	3	30	26	4
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề					
MH 14	Trồng trọt cơ bản	1	2	30	26	4
MH 15	Chăn nuôi cơ bản	1	2	30	26	4
MH 16	Động cơ đốt trong	1, 2	2, 3	45	39	6
MH 17	Cấu tạo máy kéo	1, 2	2, 3	45	39	6
MĐ 18	Vận hành - bảo dưỡng	1, 2	1, 2, 3	418	66	352
MĐ 19	Liên hợp máy làm đất	1, 2	2, 3	266	42	224
MĐ 20	Máy gieo trồng	2	3, 4	152	24	128
MĐ 21	Máy chăm sóc	2	3	76	12	64

Mã MH MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học, mô đun (giờ)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Trong đó	
					Giờ LT	Giờ TH
MĐ 22	Máy thu hoạch	2	3, 4	266	42	224
MĐ 23	Máy chế biến nông sản	2	3, 4	152	24	128
MĐ 24	Máy chăn nuôi	2	3	38	6	32
MĐ 25	Gia công hỗ trợ	1, 2	1, 2, 3	190	30	160
MĐ 26	Thực tập sản xuất	2	4	238	6	232
	Tổng cộng			2216	593	1623

3.2. Đề cương chi tiết chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc

(Nội dung chi tiết được kèm theo tại phụ lục 1A và 2A).

4. Hướng dẫn sử dụng CTKTĐTCN để xác định chương trình dạy nghề

4.1. Hướng dẫn xác định thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Phần tự chọn là các môn học và mô đun đào tạo nghề không có trong danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc.

- Việc lựa chọn các môn học, mô đun trong phần tự chọn do các cơ sở đào tạo nghề căn cứ vào đặc điểm, yếu tố riêng

của từng vùng miền và điều kiện cơ sở vật chất, giáo viên,... mà lựa chọn cho phù hợp.

- Phần tự chọn cũng có thể là các nội dung bổ sung cho các môn học và mô đun trong danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc.

- Tổng số thời gian tự chọn là 16 tuần, trong đó tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành phải đạt tối thiểu là 35% và 65%.

4.2. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo tự chọn; thời gian, phân bố thời gian chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn.

- Việc lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn hay học bổ sung các môn học,

mô đun trong danh mục các môn học, mô đun bắt buộc là do các cơ sở dạy nghề quyết định.

- Danh mục các môn học, mô đun dưới đây chỉ mang tính chất tham khảo, định hướng

- Sau khi đã lựa chọn xong các môn học, mô đun thì việc đánh mã môn học, mô đun thực hiện kế tiếp phần mã môn học, mô đun bắt buộc.

4.2.1. Danh mục môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn và phân phối thời gian

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun (Kiến thức, kỹ năng tự chọn)	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học, mô đun (giờ)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Trong đó	
					Giờ LT	Giờ TH
MĐ 27	Mô đun máy gieo trồng			266	42	224
MĐ 28	Mô đun máy chăm sóc			114	18	96
MĐ 29	Mô đun máy thu hoạch			152	24	128
MĐ 30	Mô đun máy chế biến nông sản			228	36	192
MĐ 31	Mô đun máy chăn nuôi			190	30	160
	Tổng cộng			950	150	800

4.2.2. Đề cương chi tiết chương trình mô đun đào tạo nghề tự chọn

(Nội dung chi tiết được kèm theo tại phụ lục 3A).

4.3. Hướng dẫn xác định chương trình chi tiết của các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc trong chương trình dạy nghề của trường

- Trên cơ sở đề cương chi tiết của chương trình khung, các cơ sở đào tạo

nghề, các trường đào tạo nghề Kỹ thuật máy nông nghiệp phải xây dựng chương trình chi tiết cho từng môn học, mô đun.

- Trong chương trình chi tiết phải xác định rõ mục tiêu và nội dung chi tiết của từng chương, từng bài.

- Trong quá trình thực hiện chương trình không nhất thiết phải thực hiện theo đúng trình tự từng môn học, mô đun đã sắp xếp trong chương trình, mà có thể

thay đổi linh hoạt tùy theo điều kiện cụ thể của từng trường.

- Với các trường, các cơ sở dạy nghề có đào tạo nghề kỹ thuật máy nông nghiệp cho các đối tượng tuyển sinh đầu vào là trung học cơ sở thì chương trình đào tạo phải cộng thêm phần chương trình các môn học văn hóa của Bộ Giáo dục và đào tạo quy định.

4.4. Hướng dẫn xây dựng chương trình chi tiết của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Trên cơ sở đề cương chi tiết của chương trình khung và việc xác định - lựa chọn các môn học, mô đun áp dụng cho cơ sở đào tạo của mình các cơ sở đào tạo nghề, các trường đào tạo nghề Kỹ thuật

máy nông nghiệp phải xây dựng chương trình chi tiết cho từng môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn.

- Trong chương trình chi tiết của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn phải xác định rõ mục tiêu và nội dung chi tiết của từng chương, từng bài.

4.5. Hướng dẫn kiểm tra sau khi kết thúc môn học, mô đun đào tạo nghề và hướng dẫn thi tốt nghiệp

4.5.1. Kiểm tra kết thúc môn học

- Hình thức kiểm tra hết môn: Viết, vấn đáp, bài tập lớn, bài tập thực hành.

- Thời gian kiểm tra:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút

+ Thực hành: Không quá 8 giờ.

4.5.2. Thi tốt nghiệp

TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian
1	Chính trị	Viết, vấn đáp, trắc nghiệm	Không quá 120 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề:		
	- Lý thuyết nghề	Viết, vấn đáp, trắc nghiệm	Không quá 180 phút
	- Thực hành nghề	Bài thi thực hành	Không quá 24 giờ
	- Mô đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành)	Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

4.6. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện)

- Các hoạt động ngoại khóa bao gồm: Tham quan, giao lưu văn hóa, văn nghệ - Thể dục thể thao,...

- Các hoạt động ngoại khóa nhằm làm cho học sinh nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, có thể bố trí các buổi tham quan các nhà máy, xí nghiệp, các doanh nghiệp đang sản xuất, kinh doanh ngành nghề phù hợp với nghề đào tạo.

- Các hoạt động ngoại khóa nên tổ chức thường xuyên, liên tục và được xác định trong kế hoạch hoạt động giáo dục học sinh của từng năm học, kỳ học.

- Thời gian cho các hoạt động ngoại khóa là thời gian ngoài giờ lên lớp, nếu cần thiết có thể sử dụng thời gian dự phòng của chương trình đào tạo./.

4.7. Các chú ý khác:

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đàm Hữu Đắc

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ*(ban hành kèm theo Quyết định số 19/2008/QĐ-BLĐTBXH**ngày 31 tháng 3 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

Tên nghề: Kỹ thuật máy nông nghiệp

Mã nghề:

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 39

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề.

1. Mục tiêu đào tạo**1.1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:****- Kiến thức:**

+ Nắm vững những nội dung cơ bản của các môn học cơ sở như: Toán ứng dụng, Vật lý kỹ thuật, Vẽ kỹ thuật, Cơ kỹ thuật, Vật liệu cơ khí, Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật, Kỹ thuật điện, Kỹ thuật nhiệt, Thủy lực và máy thủy lực, An toàn lao động,..., để làm cơ sở tiếp thu các môn học chuyên môn.

+ Nắm vững cấu tạo, nguyên lý làm việc, cách bảo dưỡng, kiểm tra - sửa chữa, điều chỉnh các loại máy động lực dùng trong nông nghiệp, các loại máy nông nghiệp đang được sử dụng rộng rãi trên thị trường.

- Kỹ năng:

+ Vận hành thành thạo các loại liên

hợp máy nông nghiệp vào các khâu canh tác trên đồng ruộng: Làm đất, gieo trồng, chăm sóc, tưới tiêu, thu hoạch, bảo quản chế biến, chăn nuôi.

+ Sử dụng thành thạo các dụng cụ tháo lắp và các thiết bị hỗ trợ thông thường trong công tác bảo dưỡng, điều chỉnh, sửa chữa.

+ Kiểm tra, chẩn đoán, đánh giá được tình trạng kỹ thuật của các loại máy động lực dùng trong nông nghiệp, các loại máy nông nghiệp.

+ Làm thành thạo các công việc chẩn đoán, bảo dưỡng, điều chỉnh, sửa chữa các hư hỏng để máy động lực dùng trong nông nghiệp, các loại máy nông nghiệp đạt được tình trạng kỹ thuật tốt nhất.

+ Thực hiện được việc tháo lắp, sửa

chữa, thay thế các chi tiết, cụm máy bị hư hỏng đúng chủng loại, đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật.

+ Sửa chữa được những hư hỏng của các loại máy động lực dùng trong nông nghiệp: Máy kéo tay, máy kéo 4 bánh, các loại xe vận chuyển,... các loại máy nông nghiệp thường được sử dụng như: Cày, phay, bừa, máy bơm nước, máy gặt, máy sấy, máy ép trứng gia cầm,...

+ Tổ chức và quản lý được quá trình sản xuất theo hình thức tổ, đội hoặc các trang trại vừa và nhỏ.

+ Khai thác và sử dụng các dịch vụ máy nông nghiệp.

+ Xử lý được các tình huống phức tạp có thể xảy ra trong quá trình sản xuất.

+ Cải tiến và nâng cao hiệu quả sản xuất.

1.2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị và đạo đức

+ Có kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về mục tiêu và đường lối CNH - HĐH đất nước.

+ Có nhận thức về nghĩa vụ và quyền hạn công dân trong học tập, lao động sản

xuất, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

+ Xây dựng cho người học ý thức nghề nghiệp đúng đắn, tác phong lao động cần cù, khoa học, phù hợp với thực tiễn sản xuất.

+ Có tinh thần hăng say lao động, lao động có kỹ thuật, có kỷ luật, năng động sáng tạo, đạt năng suất chất lượng và hiệu quả cao.

+ Xây dựng cho người học có ý thức với công việc được giao, có trách nhiệm, có tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí tham ô, biết quý trọng và bảo vệ thiết bị, máy móc và tài sản chung.

+ Xây dựng cho người học nếp sống lành mạnh, trung thực, giản dị. Sống có văn hóa.

+ Có lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Hiểu biết một số phương pháp tập luyện và đạt kỹ năng cơ bản ở một số môn thể dục thể thao như: Điền kinh, bóng đá, bóng chuyền...

+ Đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể cấp I khi ra trường.

+ Có hiểu biết cơ bản về công tác quốc phòng toàn dân và dân quân tự vệ.

+ Có kiến thức và những thao tác quân sự cơ bản cần thiết nhất của người chiến sĩ. Vận dụng trong học tập, sinh hoạt, bảo vệ trật tự trị an. Có khả năng tham gia phục vụ chiến đấu và chiến đấu, thực hiện nghĩa vụ quốc phòng toàn dân.

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ tổ quốc.

2. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

2.1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu.

- Thời gian đào tạo: 3 năm .
- Thời gian học tập: 131 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 3630 h

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn và thi: 150 h; trong đó thi tốt nghiệp: 150 h.

2.2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 h

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề:

+ Thời gian học bắt buộc: 3105 h;
Thời gian học tự chọn: 600 h

+ Thời gian học lý thuyết: 999 h; Thời gian học thực hành: 2106 h.

3. Danh mục môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc, thời gian và phân bổ thời gian; đề cương chi tiết chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc

3.1. Danh mục môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học, mô đun (giờ)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Trong đó	
					Giờ LT	Giờ TH
I	Các môn học chung					
MH 01	Chính trị	2, 3	3, 4, 5	90		
MH 02	Pháp luật	2	3	30		
MH 03	Giáo dục thể chất	1,2	2,3	60		

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học, mô đun (giờ)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Trong đó	
					Giờ LT	Giờ TH
MH 04	Giáo dục quốc phòng	2	2, 3	75		
MH 05	Tin học	1	1	75		
MH 06	Ngoại ngữ	1, 2, 3	2, 4, 5	120		
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc					
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở					
MH 07	Toán ứng dụng	1	1, 2	60	40	20
MH 08	Vật lý đại cương	1	1, 2	45	40	5
MH 09	Cơ kỹ thuật	1, 2	2, 3	75	65	10
MH 10	Hình họa - Vẽ kỹ thuật	1, 2	2, 3	90	75	15
MH 11	Kỹ thuật điện	2, 3	4, 5	75	55	20
MH 12	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	1	2	45	30	15
MH 13	Vật liệu cơ khí	1, 2	2, 3	60	45	15
MH 14	An toàn lao động	2	1	30	20	10
MH 15	Tổ chức sản xuất và quản lý doanh nghiệp	3	5	45	37	8
MH 16	Thủy lực và máy thủy lực	3	5	45	30	15
MH 17	Kỹ thuật nhiệt	3	5	30	25	5
MH 18	Trồng trọt cơ bản	2	3	30	26	4

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học, mô đun (giờ)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Trong đó	
					Giờ LT	Giờ TH
MH 19	Chăn nuôi cơ bản	2	3	30	26	4
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề					
MH 20	Lý thuyết máy kéo	2	4	30	27	3
MH 21	Động cơ đốt trong	1, 2	2, 3	45	39	6
MH 22	Cấu tạo máy kéo	1, 2	2, 3	45	39	6
MH 23	Tính toán máy nông nghiệp	1, 2	2, 3	75	60	15
MH 24	AUTO CAD	2	3	30	20	10
MĐ 25	Mô đun vận hành - bảo dưỡng	1, 2	1, 2, 3, 4	418	66	352
MĐ 26	Mô đun sửa chữa - chẩn đoán kỹ thuật	3	5	266	42	224
MĐ 27	Mô đun liên hợp máy làm đất	1, 2	2, 3, 4	228	36	192
MĐ 28	Mô đun máy gieo trồng	2, 3	3, 4, 5	152	24	128
MĐ 29	Mô đun máy chăm sóc	3	5	76	12	64
MĐ 30	Mô đun máy thu hoạch	2, 3	4, 5	266	42	224
MĐ 31	Mô đun máy chế biến nông sản	2, 3	3, 4, 5	152	24	128
MĐ 32	Mô đun máy chăn nuôi	3	6	38	6	32
MĐ 33	Mô đun gia công bổ trợ	2, 3	3, 4, 5	228	36	192
MĐ 34	Thực tập sản xuất	3	6	396	12	384
	Tổng cộng			3105	999	2106

3.2. Đề cương chi tiết chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc

(Nội dung chi tiết được kèm theo tại phụ lục 1B, 2B).

4. Hướng dẫn sử dụng CTKTĐCĐN để xác định chương trình dạy nghề

4.1. Hướng dẫn xác định thời gian cho từng môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn.

- Phần tự chọn là các môn học và mô đun đào tạo nghề không có trong danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc.

- Việc lựa chọn các môn học mô đun trong phần tự chọn do các cơ sở đào tạo nghề căn cứ vào đặc điểm, yếu tố riêng của từng vùng miền và điều kiện cơ sở vật chất, giáo viên,... mà lựa chọn cho phù hợp.

- Phần tự chọn cũng có thể là các nội dung bổ sung cho các môn học và mô đun trong danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc.

- Tổng số thời gian tự chọn là 950h, trong đó tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành phải đạt tối thiểu là 35% và 65%.

4.2. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo tự chọn; thời gian, phân bố thời gian chương trình và đề cương chi tiết chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn.

- Việc lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn hay học bổ sung các môn học, mô đun trong danh mục các môn học, mô đun bắt buộc là do các cơ sở dạy nghề quyết định.

- Danh mục các môn học, mô đun dưới đây chỉ mang tính chất tham khảo, định hướng.

- Sau khi đã lựa chọn xong các môn học, mô đun thì việc đánh mã môn học, mô đun thực hiện kế tiếp phân mã môn học, mô đun bắt buộc.

4.2.1. Danh mục môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn và phân phối thời gian.

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun (Kiến thức, kỹ năng tự chọn)	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học, mô đun (giờ)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Trong đó	
					Giờ LT	Giờ TH
MĐ 35	Máy gieo trồng			266	42	224

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun (Kiến thức, kỹ năng tự chọn)	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học, mô đun (giờ)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Trong đó	
					Giờ LT	Giờ TH
MĐ 36	Máy chăm sóc			114	18	96
MĐ 37	Máy thu hoạch			152	24	128
MĐ 38	Máy chế biến nông sản			228	36	192
MĐ 39	Máy chăn nuôi			190	30	160
	Tổng cộng			950	150	800

4.2.2. Đề cương chi tiết chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn.

(Nội dung chi tiết được kèm theo tại phụ lục 3B).

4.3. Hướng dẫn xác định chương trình chi tiết của các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc trong chương trình dạy nghề của trường.

- Trên cơ sở đề cương chi tiết của chương trình khung, các cơ sở đào tạo nghề, các trường đào tạo nghề Kỹ thuật máy nông nghiệp phải xây dựng chương trình chi tiết cho từng môn học, mô đun.

- Trong chương trình chi tiết phải xác định rõ mục tiêu và nội dung chi tiết của từng chương, từng bài.

- Trong quá trình thực hiện chương trình không nhất thiết phải thực hiện theo

đúng trình tự từng môn học, mô đun đã sắp xếp trong chương trình, mà có thể thay đổi linh hoạt tùy theo điều kiện cụ thể của từng trường.

- Với các trường, các cơ sở dạy nghề có đào tạo nghề kỹ thuật máy nông nghiệp cho các đối tượng tuyển sinh đầu vào là trung học cơ sở thì chương trình đào tạo phải cộng thêm phần chương trình các môn học văn hóa của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

4.4. Hướng dẫn xây dựng chương trình chi tiết của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn.

- Trên cơ sở đề cương chi tiết của chương trình khung và việc xác định - lựa chọn các môn học, mô đun áp dụng cho cơ sở đào tạo của mình các cơ sở đào tạo

nghề, các trường đào tạo nghề Kỹ thuật máy nông nghiệp phải xây dựng chương trình chi tiết cho từng môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn.

- Trong chương trình chi tiết của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn phải xác định rõ mục tiêu và nội dung chi tiết của từng chương, từng bài.

4.5. Hướng dẫn kiểm tra sau khi kết

thúc môn học, mô đun đào tạo nghề và hướng dẫn thi tốt nghiệp.

4.5.1. Kiểm tra kết thúc môn học

- Hình thức kiểm tra hết môn: Viết, vấn đáp, bài tập lớn, bài tập thực hành.

- Thời gian kiểm tra:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút

+ Thực hành: Không quá 8 giờ

4.5.2. Thi tốt nghiệp

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian
1	Chính trị	Viết, vấn đáp, trắc nghiệm	Không quá 120 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề:		
	- Lý thuyết nghề	Viết, vấn đáp, trắc nghiệm	Không quá 180 phút
	- Thực hành nghề	Bài thi thực hành	Không quá 24 h
	- Mô đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành)	Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 24 h

4.6. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện.

- Các hoạt động ngoại khóa bao gồm: Tham quan, giao lưu văn hóa, văn nghệ - Thể dục thể thao,...

- Các hoạt động ngoại khóa nhằm làm cho học sinh nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, có thể bố trí các buổi tham quan các nhà máy, xí nghiệp, các doanh nghiệp đang sản xuất, kinh doanh ngành nghề phù hợp với nghề đào tạo.

- Các hoạt động ngoại khóa nên tổ chức thường xuyên, liên tục và được xác định trong kế hoạch hoạt động giáo dục học sinh của từng năm học, kỳ học.

- Thời gian cho các hoạt động ngoại khóa là thời gian ngoài giờ lên lớp, nếu

cần thiết có thể sử dụng thời gian dự phòng của chương trình đào tạo./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đàm Hữu Đắc